



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Thông tin về Ngân hàng

**Giấy phép Thành lập
Ngân hàng số**

576/GP-UB

ngày 8 tháng 10 năm 1992

Giấy phép Thành lập Ngân hàng được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động Ngân hàng số**

0025/NH-GP

ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0301378892

ngày 16 tháng 10 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 25 tháng 4 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Tài
Bà Nguyễn Thanh Phương
Ông Ngô Quang Trung
Ông Nguyễn Hoài Nam
Ông Vương Công Đức

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quang Trung
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Ông Lê Văn Bé Mười
Ông Phạm Anh Tú
Ông Lý Công Nha

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Bà Phan Thị Hồng Lan
Ông Võ Thanh Hải
Ông Lê Hoàng Nam

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 85 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 5 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 85.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00279/2*2-20-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2020-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2020

	Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt	4	426.641	506.749
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	929.747	513.958
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	9.182.236	6.678.620
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		7.538.291	6.217.150
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.643.945	461.470
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	22.336	22.591
VI Cho vay khách hàng		33.542.390	29.349.936
1 Cho vay khách hàng	8	33.994.686	29.690.468
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(452.296)	(340.532)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	3.854.322	5.956.261
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		3.593.822	4.768.566
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		377.437	1.317.258
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(116.937)	(129.563)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	100.000	500.000
1 Đầu tư vào công ty con		100.000	500.000
X Tài sản cố định		1.190.951	767.628
1 Tài sản cố định hữu hình	12	371.285	315.631
a Nguyên giá		521.134	438.967
b Giá trị hao mòn lũy kế		(149.849)	(123.336)
3 Tài sản cố định vô hình	13	819.666	451.997
a Nguyên giá		941.625	549.545
b Giá trị hao mòn lũy kế		(121.959)	(97.548)
XII Tài sản Có khác		2.659.975	2.757.953
1 Các khoản phải thu	14	1.453.483	1.653.608
2 Các khoản lãi, phí phải thu		1.028.320	1.004.245
4 Tài sản Có khác	15	249.184	179.414
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(71.012)	(79.314)
TỔNG TÀI SẢN		51.908.598	47.053.696

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

		Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	9.435.310	8.704.210
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		8.589.696	7.488.510
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		845.614	1.215.700
III	Tiền gửi của khách hàng	17	35.349.792	34.030.315
VI	Phát hành giấy tờ có giá	18	2.452.726	10
VII	Các khoản nợ khác		968.601	913.855
1	Các khoản lãi, phí phải trả		878.515	772.743
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	90.086	141.112
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		48.206.429	43.648.390
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn chủ sở hữu	21	3.702.169	3.405.306
1	Vốn của tổ chức tín dụng		3.171.009	3.000.009
a	Vốn điều lệ		3.171.000	3.000.000
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		1	1
c	Thặng dư vốn cổ phần		8	8
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		140.851	126.893
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		390.309	278.404
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.702.169	3.405.306
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		51.908.598	47.053.696

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại
ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Thuyết minh	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
----------------	-------------------------	-------------------------

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN**

1	Bảo lãnh vay vốn	33	130.719	150.046
2	Cam kết giao dịch hối đoái	33	30.695.339	21.299.720
	▪ Cam kết mua ngoại tệ	33	2.064.588	1.374.943
	▪ Cam kết bán ngoại tệ	33	1.832.348	815.270
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi	33	26.798.403	19.109.507
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	33	103.433	131.229
5	Bảo lãnh khác	33	1.400.425	1.268.442

Ngày 18 tháng 5 năm 2020

Người lập



Bùi Thị Quanh
Phó phòng kế toán

Người kiểm soát



Lý Công Nha
Kế toán trưởng

Người phê duyệt




Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

		Thuyết minh	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	3.799.434	3.125.236
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	2.870.371	2.331.374
I	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự thuần		929.063	793.862
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	77.469	69.042
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	24	39.267	35.440
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	38.202	33.602
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	26.826	31.356
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	101.296	45.251
5	Thu nhập từ hoạt động khác	27	32.353	36.061
6	Chi phí hoạt động khác	27	4.201	4.718
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	27	28.152	31.343
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	1.019	6.253
VIII	Chi phí hoạt động	29	856.458	696.838
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		268.100	244.829
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30	110.421	126.966
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)		157.679	117.863

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang từ trang trước sang)	157.679	117.863
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.777	21.158
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31.777	21.158
XIII	Lợi nhuận sau thuế	125.902	96.705

Ngày 18 tháng 5 năm 2020

Người lập



Bùi Thị Quan
Phó phòng kế toán

Người kiểm soát



Lý Công Nha
Kế toán trưởng

Người phê duyệt




Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	3.775.359	2.876.278
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.764.599)	(2.136.415)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	38.202	33.602
04 Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	126.281	77.678
05 Thu nhập khác	20.378	11.181
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	1.913	2.791
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(807.373)	(670.191)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(10.448)	(9.862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	379.713	185.062
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(728.345)	(107.000)
10 Giảm các khoản kinh doanh chứng khoán	2.114.565	165.760
11 Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	255	(14.795)
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(4.304.218)	(4.658.567)
13 (Tăng)/giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(9.296)	145
14 Tăng khác về tài sản hoạt động	(100.610)	(11.966)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
16 Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	731.100	(203.474)
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	1.319.477	6.473.249
18 Tăng phát hành giấy tờ có giá	2.452.716	-
21 Tăng khác về công nợ hoạt động	29.216	111.724
22 Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(39)	(97)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	1.884.534	1.940.041

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(306.890)	(596.017)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22.450	37.766
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	431.460	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn	3.393	3.719
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	150.413	(554.532)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	76.005	-
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	76.005	-
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	2.110.952	1.385.509
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	7.249.327	5.863.818
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 32)	9.360.279	7.249.327

Ngày 18 tháng 5 năm 2020

Người lập



Bùi Thị Quan
Phó phòng kế toán

Người kiểm soát



Lý Công Nha
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này